

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HS-ST

Ngày: 22/04/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vỹ

Bà Trần Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2024/TLST- HS ngày 25 tháng 03 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN C, sinh năm: 1994, tại: H; Nơi thường trú: 619 H3 phường T, quận H, H; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Khoa và bà Trần Thị Thanh; tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 278/2018/HS-ST ngày 29/10/2018 Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Trộm cắp tài sản; Bản án 328/2020/HSST ngày 29/10/2020 Tòa án nhân dân quận H, thành phố H 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tổng hợp hình phạt 10 tháng tù của Bản án 328/2020/HSST ngày 29/10/2020; bị bắt, tạm giữ ngày 08/01/2024; tạm giam :16/01/2024; bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02- Công an thành phố H; có mặt.

2. NGUYỄN ĐĂNG D, sinh năm: 1993, tại: H; Nơi thường trú: Xóm phạm Hồng Thái, xã Hạ Hồi, huyện T, H; Tạm trú: 228 B5 T, phường T, quận H, H; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Tuyên và bà Đặng Thị Luyến; vợ: Lê Thị Trúc Linh; có 01 con sinh năm 2018; tiền sự: không; Tiền án: không; nhân thân: Ngày 11/10/2007 Công an huyện T, H xử phạt hành chính về hành vi Cường đoạt tài sản; Ngày 17/11/2007 Công an huyện T, H cảnh cáo về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Ngày 06/9/2009 Công an quận H, H cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 14/12/2009 Công an quận H, H cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 01/02/2010 Công an quận H, H cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 10/3/2010 Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ- Công an quận H, H đưa vào trường giáo dưỡng; bị bắt, tạm giữ ngày 08/01/2024; tạm giam :16/01/2024; bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02- Công an thành phố H; có mặt.

* Người bị hại:

Anh Hoàng Kiều S, sinh năm 1994; Cư trú: 436 T, phường T, quận H, H; vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cửa hàng mua bán điện thoại A

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 ; Cư trú: 65 V, phường V, quận H, H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Nguyễn Văn C và Nguyễn Đăng D là bạn quen biết xã hội với nhau. Khoảng 05 giờ ngày 18/12/2023, C và D đến quán chơi điện tử (game) ở Số 471, phố T, phường T, quận H, thành phố H. C đến trước và đi lên tầng 2 của quán thì nhìn thấy trong phòng có một mình anh Kiều Hoàng S (sinh năm 1994, trú tại Số 436, phố T, phường T, quận H, thành phố H) đang ngủ ngời ở bàn máy chơi điện tử số 42, trên bàn có để chiếc điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12. Tiếp đó, D đến ngồi tại máy chơi điện tử số 57, còn C chơi ở máy số 58. Đến khoảng 5 giờ 20 phút cùng ngày, C và D rủ nhau đi về. Khi đi xuống cầu thang tầng 1, C nói với D đứng đợi C lên lấy bao thuốc bỏ quên, rồi C một mình quay lại tầng 2 và thấy anh S vẫn đang ngủ. C liền lấy chiếc điện thoại di động để trên mặt bàn máy game của anh S nêu trên và xuống cùng D đi về nhà C tại Số 619H3 T, phường T, quận H, thành phố H.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh S, nhưng do anh S cài đặt mật khẩu nên C không mở được điện thoại, do đó C nói lại với D. D bảo C

tháo sim điện thoại chiếm đoạt được lắp vào điện thoại của C để lấy số điện thoại của anh S. Sau đó, D truy cập vào ứng dụng Zalo đăng nhập số điện thoại thì thấy thông tin tài khoản là Sa ngày sinh 26/4/1994. C liền đăng nhập mật khẩu theo ngày sinh trên (260494) thì mở được điện thoại vừa chiếm đoạt được của anh S và tìm thấy ứng dụng ngân hàng Techcombank có cài đặt mật khẩu. D bảo C chọn vào mục quên mật khẩu để ngân hàng gửi mã OTP về sim để đổi mật khẩu. D đăng nhập số điện thoại vào ứng dụng My Viettel thì thấy thông tin chủ đăng ký thuê bao là Kiều Hoàng S sinh ngày 26/4/1994, nhưng tại mục căn cước công dân bị ẩn 4 số cuối nên không đổi được mật khẩu tài khoản ngân hàng. Sau đó, C tiếp tục đăng nhập mật khẩu “260494” vào tài khoản ngân hàng thì mở được, trong tài khoản có số tiền 6.397.000 đồng mang tên chủ tài khoản là KIEU HOANG SA. C bảo D chuyển số tiền trên vào tài khoản chơi điện tử (game) trên mạng của D. D dùng điện thoại di động của mình đăng nhập vào tài khoản chơi điện tử (game), chọn vào mục nạp tiền và chọn số tiền là 6.397.000 đồng. Sau khi hiện mã QR, D đưa điện thoại di động của mình cho C để C quét mã từ ứng dụng ngân hàng Techcombank trên chiếc điện thoại trộm cắp được, nạp vào tài khoản chơi điện tử (game) của D. Sau đó, D và C cùng chơi game trên điện thoại di động của D, đồng thời D còn rút 3.000.000 đồng từ tài khoản game về tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội MB của D và sau đó sử dụng chơi điện tử hết. Số tiền còn lại trong tài khoản game, D và C cũng đã chơi điện tử hết.

Khoảng 09 giờ ngày 18/12/2013, C một mình đem chiếc điện thoại đã chiếm đoạt được của anh S đến nói dối là điện thoại của mình để bán tại Cửa hàng mua bán điện thoại ở Số 65 V, phường V, quận H, thành phố H với giá 1.400.000 đồng. Sau đó cửa hàng đã bán lại cho một nam giới không quen biết, nên không thu hồi được chiếc điện thoại trên.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ: 01 điện thoại di động màu hồng nhãn hiệu OPPO A37, Imei1: 866977038108637, Imei2: 866977038108629 (Thu giữ của Nguyễn Văn C) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, số Imei 353287077422810 (Thu giữ của Nguyễn Đăng D).

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với chiếc điện thoại bị chiếm đoạt trong vụ án nêu trên. Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS

ngày 07/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H, kết luận: *Chiếc điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12 trị giá 3.000.000 đồng.*

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: anh Kiều Hoàng S yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm: Trị giá chiếc điện thoại di động bị chiếm đoạt là 3.000.000 đồng và số tiền trong tài khoản ngân hàng bị chiếm đoạt là 6.397.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKSHM ngày 25/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố Nguyễn Văn C tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Đăng D tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Đăng D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng số 67/CT-VKSHM ngày 25/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố. Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình bị truy tố là đúng tội, quá trình điều tra không bị ai đánh đập, đe dọa, ép cung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Mạnh C từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 48 tháng tù đến 60 tháng tù.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Đăng D từ 10 tháng tù đến

14 tháng từ về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”

- Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Kiều Hoàng S trị giá chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12: 3.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Đăng D phải liên đới bồi thường cho anh Kiều Hoàng S số tiền trong tài khoản ngân hàng của anh S bị chiếm đoạt: 6.397.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh S số tiền: 3.198.500 đồng.

- Buộc Cửa hàng mua bán điện thoại A(địa chỉ 65 V, phường V, quận H, H) do Ông Nguyễn Văn T là người đại diện phải truy nộp số tiền hưởng lợi 600.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, số imei: 353287077422810 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng, Imei 1: 866977038108637, Imei 2: 866977038108629.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Phần tranh luận tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận nội dung truy tố, luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo mà Kiểm sát viên đã đưa ra là đúng, không oan sai nên không có tranh luận gì.

[4]. Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự;

[2]. Người bị hại anh Hoàng Kiều S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cửa hàng mua bán điện thoại A do Ông Nguyễn Văn T là người đại diện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Xét hành phạm tội của các bị cáo: Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa thể hiện: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu được trong vụ án và kết luận định giá tài sản. Dù cơ sở kết luận:

Khoảng 05 giờ 20 phút ngày 18/12/2023, tại quán chơi điện tử (game) ở Số 471, phố T, phường T, quận H, thành phố H, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Nguyễn Văn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Kiều Hoàng S 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12, trị giá 3.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Nguyễn Văn C đã đem về nơi ở của mình tại số 619 H3 T, phường T, quận H, thành phố H và cùng Nguyễn Đăng D mở khóa điện thoại, đăng nhập vào tài khoản ngân hàng trong máy điện thoại trên để chuyển tiền đến tài khoản của D, chiếm đoạt 6.397.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 3.000.000 đồng của người khác khi bị cáo Nguyễn Văn C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đã đủ yếu tố cấu thành phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi sử dụng quyền quản trị của người khác, truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản là số tiền 6.397.000 đồng khi bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Đăng D có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đã đủ yếu tố cấu thành phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố theo tội danh và điều luật trên là hoàn toàn đúng pháp luật.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự ổn định xã hội;

Bị cáo C lợi dụng sơ hở của người bị hại mà lén lút chiếm đoạt tài sản. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo còn cùng với bị cáo D sử dụng công nghệ, truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của người bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo biết rõ hậu quả nguy hiểm xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi cá nhân thể hiện ý thức của bị cáo là xem nhẹ pháp luật, coi thường tài sản của người khác.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn C xấu: từ năm 2018 đến năm 2020 bị cáo C 02 lần bị Tòa án nhân dân quận H, H xét xử về tội phạm chiếm đoạt tài sản; Bản án số 328/2020/HSST ngày 29/10/2020 Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản được xác định hành vi phạm tội thuộc trường hợp “ tái phạm”. Bị cáo C vừa chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/4/2023 đến ngày 18/12/2023 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp định khung hình phạt “ tái phạm nguy hiểm” quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Điểm c Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Đăng D xấu: trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2010 bị cáo bị 06 lần Công an huyện T, Công an quận H H xử phạt hành chính về các hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ. Các tiền sự này đã được xóa. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc thì bị Công an quận H bắt tạm giam về hành vi phạm tội lần này.

Các bị cáo đều được giáo dục, cải tạo nhiều lần nhưng không chịu sửa đổi mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời cũng để đảm bảo công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội, thái độ tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo C sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D và áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5]. Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Khoản 5 Điều 290 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6]. Trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là Anh Kiều Hoàng S chưa nhận được tài sản đã bị chiếm đoạt nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng trị giá tài sản mà anh S đã bị chiếm đoạt, cụ thể số tiền là: 9.397.000 đồng (trong đó 3.000.000 đồng là trị giá chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12 và 6.397.000 đồng là tiền chiếm đoạt trong tài khoản);

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn C đã một mình thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12; vì vậy, bị cáo C phải một mình chịu trách nhiệm bồi thường cho anh S trị giá của điện thoại đó. Đối với số tiền trong tài khoản do cả hai bị cáo C và D cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt; vì vậy, cả hai bị cáo cùng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền trên cho anh S.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều nhận thức được trách nhiệm phải bồi thường cho người bị hại, tuy nhiên hiện tại các bị cáo không có khả năng đền bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Kiều Hoàng S tổng số tiền số tiền 6.198.500 đồng(trong đó 3.000.000 đồng là trị giá chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 12 và 3.198.500 đồng là tiền chiếm đoạt trong tài khoản); buộc bị cáo Nguyễn Đăng D phải bồi thường cho anh Kiều Hoàng S tổng số tiền số tiền 3.198.500 đồng.

[7]. Biện pháp tư pháp:

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cửa hàng mua bán điện thoại do Ông Nguyễn Văn T là người đại diện. Ngày 18/12/2023 Ông T có nhờ con trai là Nguyễn Anh P trông hộ cửa hàng. Khi giao dịch mua bán điện thoại cho anh Phương bị cáo C nói dối là điện thoại của mình nên anh Phương đã tin tưởng mua chiếc điện thoại C trộm cắp. Vì vậy, không có cơ sở xác định anh Phương có hành vi vi phạm liên quan đến vụ án nên không xử lý. Sau khi mua điện thoại trên, Cửa hàng điện thoại đã bán lại cho khách không quen biết được số tiền 2.000.000 đồng, hưởng lợi 600.000 đồng. Vì vậy cần buộc Cửa hàng mua bán điện thoại A do Ông Nguyễn Văn T là người đại diện phải truy nộp số tiền 600.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, số imei: 353287077422810 thu giữ của bị cáo D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng, Imei 1: 866977038108637, Imei 2: 866977038108629 thu giữ của bị cáo C, là các phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Đăng D tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự và các điều luật quy định tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ, đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

[9]. Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm g khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn C 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 30 tháng tù về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

* Căn cứ: - Điểm c khoản 1 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Đăng D 12 tháng tù về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

*Căn cứ:- Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Kiều Hoàng S tổng số tiền số tiền 6.198.500 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Đăng D phải bồi thường cho anh Kiều Hoàng S tổng số tiền số tiền 3.198.500 đồng.

***Biện pháp tư pháp:**

-Buộc Cửa hàng mua bán điện thoại A(địa chỉ 65 V, phường V, quận H, H) do Ông Nguyễn Văn T là người đại diện phải truy nộp số tiền hưởng lợi 600.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

-Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, số imei: 353287077422810 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng, Imei 1: 866977038108637, Imei 2: 866977038108629.

(Biên bản giao nhận vật chứng số NK2024-0113 ngày 28/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H)

*Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 309.925(làm tròn là 309.000) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đăng D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát quận Hoàng Mai;
- Thi hành án quận Hoàng Mai;
- Bị cáo;

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Người bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

H

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên

